

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	Kiểm tra định kỳ.	
	TG			TG	Thao giảng.	
	DG			DG	Dự giờ đồng nghiệp.	
	NK			NK	Tổ chức dạy học ngoại khóa.	
	CN			CN	Sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần.	
	DB.CK			DB.CK	Dạy bù chính khóa.	
	DB.B2			DB.B2	Dạy bù buổi hai.	
HK1	1CK	1	1	CK	Tin học là một ngành khoa học	
HK1	2CK	1	2	CK	Thông tin và dữ liệu	
HK1	3CK	2	3	CK	Thông tin và dữ liệu (TT)	
HK1	4BT	2	4	BT	Bài tập thực hành 1 (làm quen với thông tin và mã hóa thông tin)	
HK1	5CK	3	5	CK	Giới thiệu về máy tính	
HK1	6CK	3	6	CK	Giới thiệu về máy tính	
HK1	7BT	4	7	BT	Bài thực hành 2 (làm quen với máy tính)	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	8CK	4	8	CK	Bài toán và thuật toán	
HK1	9BT	5	9	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	10BT	5	10	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	11BT	6	11	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	12BT	6	12	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	13BT	7	13	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	14BT	7	14	BT	Bài toán và thuật toán (TT)	
HK1	15BT	8	15	BT	Bài tập về bài toán và thuật toán	
HK1	16KT	8	16	KT	Kiểm tra 1 tiết	
HK1	17CK	9	17	CK	Ngôn ngữ lập trình	
HK1	18CK	9	18	CK	Giải bài toán trên máy tính	
HK1	19CK	10	19	CK	Phần mềm máy tính	
HK1	20CK	10	20	CK	Những ứng dụng của tin học	
HK1	21CK	11	21	CK	Tin học và xã hội	
HK1	22KT	11	22	KT	Kiểm tra 1 tiết	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tư chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	23CK	12	23	CK	KHÁI NIỆM VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH	
HK1	24CK	12	24	CK	TỆP VÀ QUẢN LÝ TỆP	
HK1	25CK	13	25	CK	GIAO TIẾP VỚI HDH	
HK1	26CK	13	26	CK	GIAO TIẾP VỚI HDH	
HK1	27TH	14	27	TH	BÀI THỰC HÀNH 3 (LÀM QUEN VỚI HỆ ĐIỀU HÀNH)	
HK1	28TH	14	28	TH	BÀI THỰC HÀNH 4 (GIAO TIẾP VỚI HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS)	
HK1	29TH	15	29	TH	BÀI THỰC HÀNH 5 (THAO TÁC VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC)	
HK1	30TH	15	30	TH	BÀI THỰC HÀNH 5 (THAO TÁC VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC)	
HK1	31CK	16	31	CK	MỘT SỐ HỆ ĐIỀU HÀNH THÔNG DỤNG	
HK1	32CK	16	32	CK	MỘT SỐ HỆ ĐIỀU HÀNH THÔNG DỤNG	
HK1	33OT	17	33	OT	ÔN TẬP	
HK1	34KT	17	34	KT	KIỂM TRA HỌC KỲ 1	
HK1	35KT	18	35	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK1	36KT	18	36	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK1	37OT	19	37	OT	ÔN TẬP	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; K2: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	38OT	19	38	OT	ÔN TẬP	
HK1	39OT	20	39	OT	ÔN TẬP	
HK1	40OT	20	40	OT	ÔN TẬP	
HK2	41CK	21	41	CK	KHÁI NIỆM VỀ SOẠN THẢO VĂN BẢN	
HK2	42CK	21	42	CK	KHÁI NIỆM VỀ SOẠN THẢO VĂN BẢN	
HK2	43CK	22	43	CK	LÀM QUEN VỚI WRITER	
HK2	44CK	22	44	CK	LÀM QUEN VỚI WRITER	
HK2		23			TẾT ÂM LỊCH	
HK2		24			TẾT ÂM LỊCH	
HK2	45TH	25	45	TH	THỰC HÀNH LÀM QUEN VỚI WRITER	
HK2	46TH	25	46	TH	THỰC HÀNH LÀM QUEN VỚI WRITER	
HK2	47CK	26	47	CK	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK2	48CK	26	48	CK	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP SOẠN THẢO	
HK2	49CK	27	49	CK	MỘT SỐ CHỨC NĂNG KHÁC	
HK2	50CK	27	50	CK	MỘT SỐ CHỨC NĂNG KHÁC	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	51TH	28	51	TH	THỰC HÀNH ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK2	52TH	28	52	TH	THỰC HÀNH ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK2	53KT	29	53	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	54CK	29	54	CK	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP SOẠN THẢO	
HK2	55CK	30	55	CK	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP SOẠN THẢO	
HK2	56TH	30	56	TH	THỰC HÀNH : SỬ DỤNG MỘT SỐ CÔNG CỤ TRỢ GIÚP SOẠN THẢO VĂN BẢN	
HK2	57TH	31	57	TH	THỰC HÀNH : SỬ DỤNG MỘT SỐ CÔNG CỤ TRỢ GIÚP SOẠN THẢO VĂN BẢN	
HK2	58CK	31	58	CK	TABLE	
HK2	59CK	32	59	CK	TABLE	
HK2	60TH	32	60	TH	THỰC HÀNH TABLE	
HK2	61CK	33	61	CK	ĐỒ HỌA + IN ẤN	
HK2	62TH	33	62	TH	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	63TH	34	63	TH	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	64KT	34	64	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	65CK	35	65	CK	MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG INTERNET	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	66CK	35	66	CK	MỘT SỐ DỊCH VỤ CƠ BẢN TRÊN INTERNET	
HK2	67CK	36	67	CK	SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT MOZILAFIREFOX	
HK2	68CK	36	68	CK	MAIL VÀ SEARCH ENGINE	
HK2	69OT	37	69	OT	ÔN TẬP	
HK2	70KT	37	70	KT	KIỂM TRA HỌC KỲ 2	
HK2	71KT	38	71	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK2	72KT	38	72	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK2	73OT	39	73	OT	ÔN TẬP	
HK2	74OT	39	74	OT	ÔN TẬP	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ.	
	TG			TG	THAO GIẢNG.	
	DG			DG	DỰ GIỜ ĐỒNG NGHIỆP.	
	NK			NK	TỔ CHỨC DẠY HỌC NGOẠI KHÓA.	
	CN			CN	SINH HOẠT CHỦ NHIỆM ĐẦU TUẦN.	
	DB.CK			DB.CK	DẠY BÙ CHÍNH KHÓA.	
	DB.B2			DB.B2	DẠY BÙ BUỔI HAI.	
HK1	1CK	1	1	CK	KHÁI NIỆM LẬP TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH	
HK1	1CK.N	1	1	CK.N	LÀM QUEN VỚI NGHỀ TIN HỌC VĂN PHÒNG	
HK1	2CK	1	2	CK	KHÁI NIỆM LẬP TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH	
HK1	2CK.N	1	2	CK.N	NHỮNG KIẾN THỨC CƠ SỞ	
HK1	3CK.N	1	3	CK.N	LÀM QUEN VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC	
HK1	3CK	2	3	CK	CÁC THÀNH PHẦN CỦA NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH	
HK1	4BT	2	4	BT	BÀI TẬP NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	4CK.N	2	4	CK.N	LÀM QUEN VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC	
HK1	5CK.N	2	5	CK.N	LÀM QUEN VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC	
HK1	6CK.N	2	6	CK.N	MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC TRONG WINDOWS	
HK1	5CK	3	5	CK	CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	
HK1	6CK	3	6	CK	MỘT SỐ KIỂU DỮ LIỆU CHUẨN	
HK1	7CK.N	3	7	CK.N	MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC TRONG WINDOWS	
HK1	8CK.N	3	8	CK.N	MỘT SỐ TÍNH NĂNG KHÁC TRONG WINDOWS	
HK1	9CK.N	3	9	CK.N	CONTROL PANEL VÀ VIỆC THIẾT ĐẶT HỆ THỐNG	
HK1	7CK	4	7	CK	KHAI BÁO BIẾN	
HK1	8CK	4	8	CK	PHÉP TOÁN, BIỂU THỨC, CÂU LỆNH GÁN	
HK1	10CK.N	4	10	CK.N	CONTROL PANEL VÀ VIỆC THIẾT ĐẶT HỆ THỐNG	
HK1	11CK.N	4	11	CK.N	CONTROL PANEL VÀ VIỆC THIẾT ĐẶT HỆ THỐNG	
HK1	12TH.N	4	12	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	9CK	5	9	CK	CÁC THỦ TỤC VÀO RA ĐƠN GIẢN	
HK1	10CK	5	10	CK	SOẠN THẢO, DỊCH, THỰC HIỆN VÀ HIỆU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	13KT.N	5	13	KT.N	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	14CK.N	5	14	CK.N	MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK1	15CK.N	5	15	CK.N	MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK1	11TH	6	11	TH	BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH	
HK1	12TH	6	12	TH	BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH	
HK1	16CK.N	6	16	CK.N	MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK1	17CK.N	6	17	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	18CK.N	6	18	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	13TH	7	13	TH	BÀI TẬP VÀ THỰC HÀNH	
HK1	14KT	7	14	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	19CK.N	7	19	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	20CK.N	7	20	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	21CK.N	7	21	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	15CK	8	15	CK	CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	16CK	8	16	CK	CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	22CK.N	8	22	CK.N	ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN	
HK1	23CK.N	8	23	CK.N	LÀM VIỆC VỚI BẢNG TRONG VĂN BẢN	
HK1	24CK.N	8	24	CK.N	LÀM VIỆC VỚI BẢNG TRONG VĂN BẢN	
HK1	17BT	9	17	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	18TH	9	18	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	25CK.N	9	25	CK.N	LÀM VIỆC VỚI BẢNG TRONG VĂN BẢN	
HK1	26CK.N	9	26	CK.N	LÀM VIỆC VỚI BẢNG TRONG VĂN BẢN	
HK1	27CK.N	9	27	CK.N	LÀM VIỆC VỚI BẢNG TRONG VĂN BẢN	
HK1	19BT	10	19	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	20TH	10	20	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	28TH.N	10	28	TH.N	THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	
HK1	29TH.N	10	29	TH.N	THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	
HK1	30TH.N	10	30	TH.N	THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	
HK1	21TH	11	21	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC RỄ NHÁNH	
HK1	22KT	11	22	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	31TH.N	11	31	TH.N	THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH	
HK1	32CK.N	11	32	CK.N	MỘT SỐ CHỨC NĂNG SOẠN THẢO NÂNG CAO	
HK1	33CK.N	11	33	CK.N	MỘT SỐ CHỨC NĂNG SOẠN THẢO NÂNG CAO	
HK1	23CK	12	23	CK	CẤU TRÚC LẬP	
HK1	24CK	12	24	CK	CẤU TRÚC LẬP	
HK1	34CK.N	12	34	CK.N	MỘT SỐ CHỨC NĂNG SOẠN THẢO NÂNG CAO	
HK1	35CK.N	12	35	CK.N	MỘT SỐ CHỨC NĂNG SOẠN THẢO NÂNG CAO	
HK1	36CK.N	12	36	CK.N	MỘT SỐ CHỨC NĂNG SOẠN THẢO NÂNG CAO	
HK1	25BT	13	25	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC LẬP	
HK1	26TH	13	26	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC LẬP	
HK1	37CK.N	13	37	CK.N	CHÈN MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT	
HK1	38CK.N	13	38	CK.N	CHÈN MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT	
HK1	39CK.N	13	39	CK.N	CHÈN MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT	
HK1	27BT	14	27	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC LẬP	
HK1	28TH	14	28	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC LẬP	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	40CK.N	14	40	CK.N	CHÈN MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT	
HK1	41CK.N	14	41	CK.N	CHÈN MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT	
HK1	42KT.N	14	42	KT.N	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	29BT	15	29	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC LẬP	
HK1	30TH	15	30	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC LẬP	
HK1	43CK.N	15	43	CK.N	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP	
HK1	44CK.N	15	44	CK.N	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP	
HK1	45CK.N	15	45	CK.N	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP	
HK1	31BT	16	31	BT	BÀI TẬP CẤU TRÚC LẬP	
HK1	32TH	16	32	TH	THỰC HÀNH CẤU TRÚC LẬP	
HK1	46CK.N	16	46	CK.N	CÁC CÔNG CỤ TRỢ GIÚP	
HK1	47CK.N	16	47	CK.N	IN VĂN BẢN	
HK1	48CK.N	16	48	CK.N	IN VĂN BẢN	
HK1	33OT	17	33	OT	ÔN TẬP	
HK1	34KT	17	34	KT	KIỂM TRA HỌC KỲ 1	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	49CK.N	17	49	CK.N	IN VĂN BẢN	
HK1	50TH.N	17	50	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	51TH.N	17	51	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	35KT	18	35	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK1	36KT	18	36	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK1	52TH.N	18	52	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	53TH.N	18	53	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	54TH.N	18	54	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	37CK	19	37	CK	KIẾU MẢNG	
HK1	38CK	19	38	CK	KIẾU MẢNG	
HK1	55TH.N	19	55	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK1	56OT.N	19	56	OT.N	ÔN TẬP	
HK1	57KT.N	19	57	KT.N	KIỂM TRA HỌC KỲ 1	
HK1	39BT	20	39	BT	BÀI TẬP MẢNG 1 CHIỀU	
HK1	40TH	20	40	TH	THỰC HÀNH MẢNG 1 CHIỀU	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	58OT.N	20	58	OT.N	ÔN TẬP	
HK1	59OT.N	20	59	OT.N	ÔN TẬP	
HK1	60OT.N	20	60	OT.N	ÔN TẬP	
HK2	41BT	21	41	BT	BÀI TẬP MẢNG 1 CHIỀU	
HK2	61CK.N	21	61	CK.N	CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK2	62CK.N	21	62	CK.N	CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK2	63CK.N	21	63	CK.N	CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	
HK2	42TH	22	42	TH	THỰC HÀNH MẢNG 1 CHIỀU	
HK2	64CK.N	22	64	CK.N	DỮ LIỆU TRÊN BẢNG TÍNH	
HK2	65CK.N	22	65	CK.N	DỮ LIỆU TRÊN BẢNG TÍNH	
HK2	66CK.N	22	66	CK.N	DỮ LIỆU TRÊN BẢNG TÍNH	
HK2		23			NGHỈ TẾT ÂM LỊCH	
HK2		24			NGHỈ TẾT ÂM LỊCH	
HK2	43CK	25	43	CK	KIẾU XÂU	
HK2	67CK.N	25	67	CK.N	LẬP CÔNG THỨC TÍNH TOÁN	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	68CK.N	25	68	CK.N	LẬP CÔNG THỨC TÍNH TOÁN	
HK2	69CK.N	25	69	CK.N	LẬP CÔNG THỨC TÍNH TOÁN	
HK2	44BT	26	44	BT	BÀI TẬP KIỂU XẤU	
HK2	70CK.N	26	70	CK.N	SỬ DỤNG HÀM	
HK2	71CK.N	26	71	CK.N	SỬ DỤNG HÀM	
HK2	72BT.N	26	72	BT.N	SỬ DỤNG HÀM _BÀI TẬP TỔNG HỢP	
HK2	45TH	27	45	TH	THỰC HÀNH KIỂU XẤU	
HK2	73BT.N	27	73	BT.N	SỬ DỤNG HÀM _BÀI TẬP TỔNG HỢP	
HK2	74BT.N	27	74	BT.N	SỬ DỤNG HÀM _BÀI TẬP TỔNG HỢP	
HK2	75BT.N	27	75	BT.N	THAO TÁC VỚI DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH_BÀI TẬP	
HK2	46KT	28	46	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	76BT.N	28	76	BT.N	THAO TÁC VỚI DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH_BÀI TẬP	
HK2	77BT.N	28	77	BT.N	THAO TÁC VỚI DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH_BÀI TẬP	
HK2	78BT.N	28	78	BT.N	NHẬP, TÌM, THAY THẾ NHANH DỮ LIỆU_BÀI TẬP	
HK2	47CK	29	47	CK	KIỂU DỮ LIỆU TỆP VÀ THAO TÁC VỚI TỆP	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	79BT.N	29	79	BT.N	NHẬP, TÌM, THAY THẾ NHANH DỮ LIỆU_BÀI TẬP	
HK2	80BT.N	29	80	BT.N	NHẬP, TÌM, THAY THẾ NHANH DỮ LIỆU_BÀI TẬP	
HK2	81BT.N	29	81	BT.N	TRÌNH BÀY TRANG TÍNH_BÀI TẬP	
HK2	48TH	30	48	TH	THỰC HÀNH KIỂU DỮ LIỆU TỆP VÀ THAO TÁC VỚI TỆP	
HK2	82CK.N	30	82	CK.N	ĐỊNH DẠNG Ô & BỐ TRÍ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH	
HK2	83CK.N	30	83	CK.N	ĐỊNH DẠNG Ô & BỐ TRÍ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH	
HK2	84CK.N	30	84	CK.N	ĐỊNH DẠNG Ô & BỐ TRÍ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH	
HK2	49TH	31	49	TH	THỰC HÀNH KIỂU DỮ LIỆU TỆP VÀ THAO TÁC VỚI TỆP	
HK2	85BT.N	31	85	BT.N	HÀM LOGIC_BÀI TẬP	
HK2	86BT.N	31	86	BT.N	HÀM LOGIC_BÀI TẬP	
HK2	87BT.N	31	87	BT.N	HÀM LOGIC_BÀI TẬP	
HK2	50TH	32	50	TH	THỰC HÀNH KIỂU DỮ LIỆU TỆP VÀ THAO TÁC VỚI TỆP	
HK2	88KT.N	32	88	KT.N	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	89TH.N	32	89	TH.N	THỰC HÀNH LẬP TRANG TÍNH VÀ SỬ DỤNG HÀM	
HK2	90TH.N	32	90	TH.N	THỰC HÀNH LẬP TRANG TÍNH VÀ SỬ DỤNG HÀM	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	51CK	33	51	CK	CHƯƠNG TRÌNH CON VÀ PHÂN LOẠI	
HK2	91CK.N	33	91	CK.N	DANH SÁCH DỮ LIỆU VÀ SẮP XẾP DỮ LIỆU	
HK2	92CK.N	33	92	CK.N	DANH SÁCH DỮ LIỆU VÀ SẮP XẾP DỮ LIỆU	
HK2	93CK.N	33	93	CK.N	DANH SÁCH DỮ LIỆU VÀ SẮP XẾP DỮ LIỆU	
HK2	52BT	34	52	BT	BÀI TẬP CHƯƠNG TRÌNH CON VÀ PHÂN LOẠI	
HK2	94CK.N	34	94	CK.N	TRÍCH LỘC DỮ LIỆU	
HK2	95CK.N	34	95	CK.N	TRÍCH LỘC DỮ LIỆU	
HK2	96CK.N	34	96	CK.N	TRÍCH LỘC DỮ LIỆU	
HK2	53TH	35	53	TH	THỰC HÀNH CHƯƠNG TRÌNH CON VÀ PHÂN LOẠI	
HK2	97CK.N	35	97	CK.N	BIỂU DIỄN DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ	
HK2	98CK.N	35	98	CK.N	BIỂU DIỄN DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ	
HK2	99CK.N	35	99	CK.N	BIỂU DIỄN DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ	
HK2	54OT	36	54	OT	ÔN TẬP	
HK2	100TH.N	36	100	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	101TH.N	36	101	TH.N	THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	102KT.N	36	102	KT.N	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	55KT	37	55	KT	KIỂM TRA HỌC KỲ 2	
HK2	103OT.N	37	103	OT.N	ÔN TẬP THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	104OT.N	37	104	OT.N	ÔN TẬP THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	105OT.N	37	105	OT.N	ÔN TẬP THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	56KT	38	56	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK2	106OT.N	38	106	OT.N	ÔN TẬP THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	107OT.N	38	107	OT.N	ÔN TẬP THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	108KT.N	38	108	KT.N	KIỂM TRA HỌC KỲ 2	
HK2	57OT	39	57	OT	ÔN TẬP	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	Kiểm tra định kỳ.	
	TG			TG	Thao giảng.	
	DG			DG	Dự giờ đồng nghiệp.	
	NK			NK	Tổ chức dạy học ngoại khóa.	
	CN			CN	Sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần.	
	DB.ck			DB.ck	Dạy bù chính khóa.	
	DB.B2			DB.B2	Dạy bù buổi hai.	
HK1	1CK	1	1	CK	Một số khái niệm cơ bản	
HK1	2CK	2	2	CK	Một số khái niệm cơ bản	
HK1	3CK	3	3	CK	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	
HK1	4CK	4	4	CK	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	
HK1	5CK	5	5	CK	Giới thiệu Microsoft Access	
HK1	6CK	6	6	CK	Cấu trúc bảng	
HK1	7TH	7	7	TH	Thực hành tạo cấu trúc bảng	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK1	8TH	8	8	TH	Thực hành tạo cấu trúc bảng	
HK1	9KT	9	9	KT	Kiểm tra 1 tiết	
HK1	10CK	10	10	CK	Các thao tác trên bảng	
HK1	11TH	11	11	TH	Thực hành thao tác trên bảng	
HK1	12TH	12	12	TH	Thực hành thao tác trên bảng	
HK1	13CK	13	13	CK	Liên kết giữa các bảng	
HK1	14TH	14	14	TH	Thực hành tổng hợp tạo cơ sở dữ liệu	
HK1	15TH	15	15	TH	Thực hành tổng hợp tạo cơ sở dữ liệu	
HK1	16OT	16	16	OT	Ôn tập	
HK1	17KT	17	17	KT	Kiểm tra học kỳ 1	
HK1	18KT	18	18	KT	Kiểm tra tập trung	
HK1	19OT	19	19	OT	Ôn tập	
HK1	20OT	20	20	OT	Ôn tập	
HK2	21CK	21	21	CK	Truy vấn dữ liệu	
HK2	22BT	21	22	BT	Bài tập truy vấn dữ liệu	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	23TH	22	23	TH	THỰC HÀNH TRUY VẤN DỮ LIỆU	
HK2	24TH	22	24	TH	THỰC HÀNH TRUY VẤN DỮ LIỆU	
HK2		23			NGHỈ TẾT ÂM LỊCH	
HK2		24			NGHỈ TẾT ÂM LỊCH	
HK2	25TH	25	25	TH	THỰC HÀNH TRUY VẤN DỮ LIỆU	
HK2	26TH	25	26	TH	THỰC HÀNH TRUY VẤN DỮ LIỆU	
HK2	27KT	26	27	KT	BÁO CÁO	
HK2	28CK	26	28	CK	BÁO CÁO	
HK2	29TH	27	29	TH	THỰC HÀNH TẠO BÁO CÁO	
HK2	30TH	27	30	TH	THỰC HÀNH TẠO BÁO CÁO	
HK2	31TH	28	31	TH	THỰC HÀNH TẠO BÁO CÁO	
HK2	32KT	28	32	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	33CK	29	33	CK	BIỂU MẪU	
HK2	34TH	29	34	TH	THỰC HÀNH TẠO BIỂU MẪU	
HK2	35TH	30	35	TH	THỰC HÀNH TẠO BIỂU MẪU	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý : Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	36TH	30	36	TH	THỰC HÀNH TẠO BIỂU MẪU	
HK2	37TH	31	37	TH	THỰC HÀNH TẠO BIỂU MẪU	
HK2	38TH	31	38	TH	THỰC HÀNH TẠO BIỂU MẪU	
HK2	39KT	32	39	KT	BÀI THỰC HÀNH TỔNG HỢP	
HK2	40KT	32	40	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	41OT	33	41	OT	ÔN TẬP	
HK2	42OT	33	42	OT	ÔN TẬP	
HK2	43OT	34	43	OT	ÔN TẬP	
HK2	44KT	34	44	KT	KIỂM TRA HỌC KỲ 2	
HK2	45CK	35	45	CK	CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ	
HK2	46CK	35	46	CK	CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ	
HK2	47KT	36	47	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK2	48KT	36	48	KT	KIỂM TRA TẬP TRUNG	
HK2	49CK	37	49	CK	HỆ CSDL QUAN HỆ	
HK2	50CK	37	50	CK	CÁC THAO TÁC VỚI CSDL QUAN HỆ	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	TIN HỌC & NGHỀ PT
HK2	51CK	38	51	CK	BẢO MẬT CSDL	
HK2	52TH	38	52	TH	BÀI THỰC HÀNH BẢO MẬT CSDL	
HK2	53OT	39	53	OT	ÔN TẬP	
HK2	54OT	39	54	OT	ÔN TẬP	